

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞIHEAD OFFICE

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM

201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, HCMC

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

Số/No.: 1610/2026/CBTT-NHNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 17th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission of Vietnam

- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange

1. **Tên tổ chức phát hành/Name of organization:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á/
Nam A Commercial Joint Stock Bank.

- Mã chứng khoán/Stock code: NAB.

- Địa chỉ/Address: 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh/201-203
Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

- Email: namabank@namabank.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

Ngày 16/07/2026, Ngân hàng TMCP Nam Á công bố thông tin báo cáo định kỳ bán niên năm 2026 về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp. Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, Ngân hàng TMCP Nam Á kính gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh văn bản sau:

On July 16th, 2026, Nam A Commercial Joint Stock Bank periodically announces the semi-annual report regarding the payments of principal and interest on corporate bonds. To disclose the information in accordance with regulations, Nam A Commercial Joint Stock Bank respectfully sends to the State Securities Commission, the Vietnam Exchange, the Hanoi Stock Exchange and the Hochiminh Stock Exchange the document as listed below:

+ Công văn số 2148/2026/CV-NHNA-TT.13 ngày 16/07/2026 về việc Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp/Official dispatch No. 2148/2026/CV-NHNA-TT.13 dated July 16th, 2026, regarding the Periodic report on corporate bond principal and interest payments.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Nam Á: <https://www.namabank.com.vn/>

This information has been published on the company's website as in the link: [https://www.namabank.com.vn.](https://www.namabank.com.vn/)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/To:

- Như Kính gửi/*As the Greetings part*;
- Lưu/Archived: VP HĐQT/Office of BOD.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/NAM A BANK

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/

Authorized Person to disclose information

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/

Vice Chairwoman



Võ Thị Tuyết Nga

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞIHEAD OFFICE

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM

201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Bàn Cờ Ward, HCMC

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: 248/2026/CV-NHNA-TT.13

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July, 2026

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Periodic report on corporate bond principal and interest payments

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính/Promulgated with the Circular

No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

- Kính gửi/To:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission
 - Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026/Reporting period from January 01st 2026 to June 30th 2026).

TT No.	Mã trái phiếu/Bond code	Kỳ hạn/ Period	Ngày phát hành/ Issue date	Ngày đáo hạn/ Maturity	Số dư đầu kỳ (đồng)/ Opening balance (dong)		Thanh toán trong kỳ (đồng)/Payments during the period (dong)		Dư nợ cuối kỳ (đồng)/ Closing balance (dong)	
					Gốc/Principal	Lãi/ Interest	Gốc/ Principal	Lãi/ Interest	Gốc/Principal	Lãi/ Interest

1	NAB125004	7 năm/ 7 year	30/12/2025	30/12/2032	1.000.000.000.000	0	0	0	1.000.000.000.000	0
2	NAB126025	7 năm/ 7 year	28/05/2026	28/05/2033	0	0	0	0	1.000.000.000.000	0

H. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026/Reporting period from January 01st 2026 to June 30th 2026)

1. NAB202501 (Mã trái phiếu: NAB125004/Bond code: NAB125004)

Loại Nhà đầu tư/ Type of investors	Dư nợ đầu kỳ/ Opening balance		Thay đổi trong kỳ/ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	970.000.000.000	97,00%	(96.459.200.000)	(9,65)%	873.540.800.000	87,35%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	956.641.000.000	95,66%	(93.390.200.000)	(9,34)%	863.250.800.000	86,32%
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	200.000.000.000	20,00%	(200.000.000.000)	(20,00)%	-	-
b) Quỹ đầu tư/Investment funds	367.500.000.000	36,75%	-	-	367.500.000.000	36,75%

Loại Nhà đầu tư/ Type of investors	Dư nợ đầu kỳ/ Opening balance		Thay đổi trong kỳ/ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies	389.141.000.000	38,91%	106.609.800.000	10,66%	495.750.800.000	49,57%
d) Công ty Bảo hiểm/ Insurance companies	-	-	-	-	-	-
đ) Các tổ chức khác/ Other organisations	-	-	-	-	-	-
2. Nhà đầu tư cá nhân/ Individual investors	13.359.000.000	1,34%	(3.069.000.000)	(0,31)%	10.290.000.000	1,03%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	30.000.000.000	3,00%	96.459.200.000	9,65%	126.459.200.000	12,65%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ Institutional investors	30.000.000.000	3,00%	96.459.200.000	9,65%	126.459.200.000	12,65%
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư/ Investment funds	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies	30.000.000.000	3,00%	96.459.200.000	9,65%	126.459.200.000	12,65%
d) Công ty Bảo hiểm/ Insurance companies	-	-	-	-	-	-



Loại Nhà đầu tư/ Type of investors	Dư nợ đầu kỳ/ Opening balance		Thay đổi trong kỳ/ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage
Insurance companies						
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	-	-	-	-	-	-
2. Nhà đầu tư cá Nhân/ Individual investors	-	-	-	-	-	-
Tổng/ Total	1.000.000.000.000	100%	-	-	1.000.000.000.000	100%

2. NAB202502 (Mã trái phiếu: NAB126025/Bond code: NAB126025)

Loại Nhà đầu tư/ Type of investors	Dư nợ đầu kỳ/ Opening balance		Thay đổi trong kỳ/ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	-	-	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	-	-	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư/Investment	-	-	-	-	-	-

Loại Nhà đầu tư/ Type of investors	Dư nợ đầu kỳ/ Opening balance		Thay đổi trong kỳ/ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage
<i>funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies	-	-	750.000.000.000	75,00%	750.000.000.000	75,00%
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	-	-	-	-	-	-
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	-	-	250.000.000.000	25,00%	250.000.000.000	25,00%
2. Nhà đầu tư cá nhân/ Individual investors	-	-	-	-	-	-
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	-	-	-	-	-	-
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ Institutional investors	-	-	-	-	-	-
a) Tổ chức tín dụng/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư/Investment funds	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies	-	-	-	-	-	-

Loại Nhà đầu tư/ Type of investors	Dư nợ đầu kỳ/ Opening balance		Thay đổi trong kỳ/ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage	Giá trị (đồng)/ Value (dong)	Tỷ trọng/ Percentage
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	-	-	-	-	-	-
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	-	-	-	-	-	-
2. Nhà đầu tư cá nhân/ Individual investors	-	-	-	-	-	-
Tổng/Total	-	-	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%

(*) Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Nơi nhận/To:

- Như Kính gửi/As the Greetings part;
- Lưu/Archived: TT.TD/Trading Centre,
P.HCQT/Administrative Management Dept.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/
Nam A Commercial Joint Stock Bank

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/

Deputy Chief Executive Officer



Võ Hoàng Hải